TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 3 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chiên và bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Diệp Thị G, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H (tức Lê Văn T), sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Diệp Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn H (tức Lê Văn T) trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 01/11/2017. Sau khi kết hôn, chị về sống chung cùng gia đình anh H. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 9/2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, từ ngày 13/11/2018 anh chị sống ly thân, từ đó đến nay không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đối với nhau. Chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Minh Th, sinh ngày 06/8/2018, hiện đang ở cùng anh H. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Th, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn H (tức Lê Văn T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như chị G trình bày là đúng, anh xác định tình cảm không còn, đồng ý ly hôn chị G.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị G trình bày là đúng. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung, yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về giải quyết quan hệ tài sản; công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Diệp Thị G và anh Lê Văn H, giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Minh Th, chị G cấp dưỡng nuôi cháu Th là 500.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Diệp Thị G có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H (tức Lê Văn T); anh H có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Thị G và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, từ tháng 11/2018 đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau, chị G xin ly hôn anh H cũng đồng ý. Do vậy, hôn nhân của chị G và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị G, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị G và anh H là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị G, anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Minh Th. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng tại phiên tòa anh chị thống nhất để anh H tiếp tục nuôi con chung, chị G cấp dưỡng nuôi con chung 500.000đ/tháng. Xét thấy, thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật cần được chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản: Theo đơn khởi kiện chị G yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Quá trình giải quyết vụ án, chị G và anh H thống rất tự thỏa thuận và rút một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết quan hệ tài sản. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị G là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết quan hệ tài sản.

[5]. Về án phí: Chị Diệp Thị G phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết quan hệ tài sản của chị Diệp Thị G.

2. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Diệp Thị G và anh Lê Văn H (tức Lê Tiến H).

3. Giao cho anh Lê Văn H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Minh Th, sinh ngày 06/8/2018, chị Diệp Văn G cấp dưỡng nuôi cháu Th là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 4/2019 đến khi cháu Th đủ 18 tuổi; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

4. Chị Diệp Thị G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 917.000đ (Chín trăm mười bảy nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0000948, ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Hoàn trả lại cho chị Diệp Thị G 317.000đ (Ba trăm mười bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu